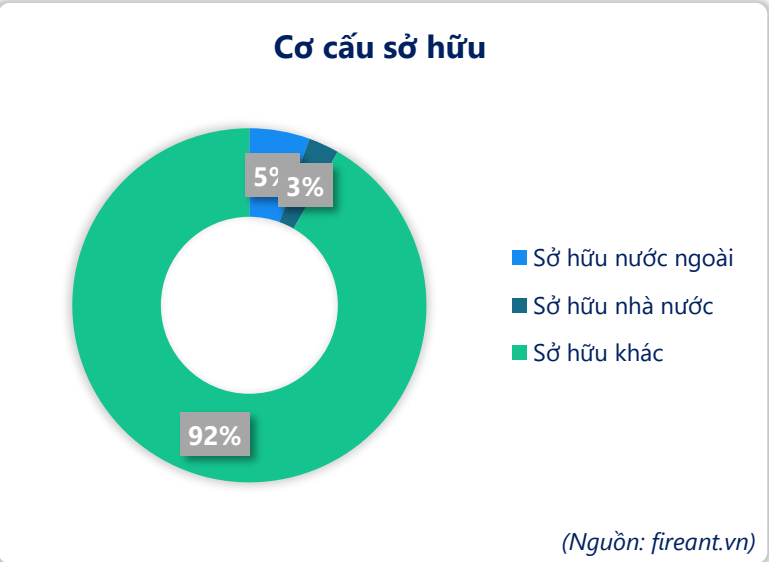
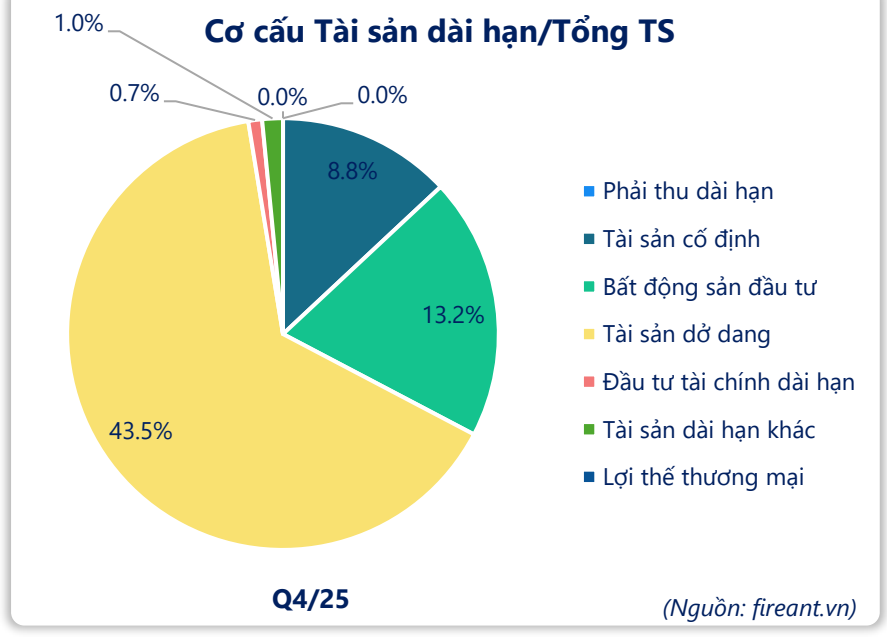
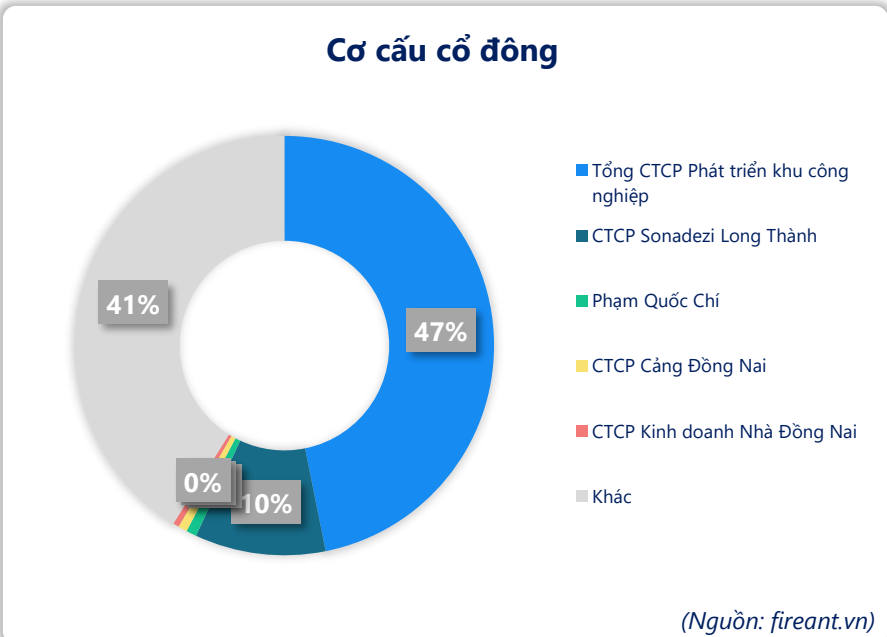
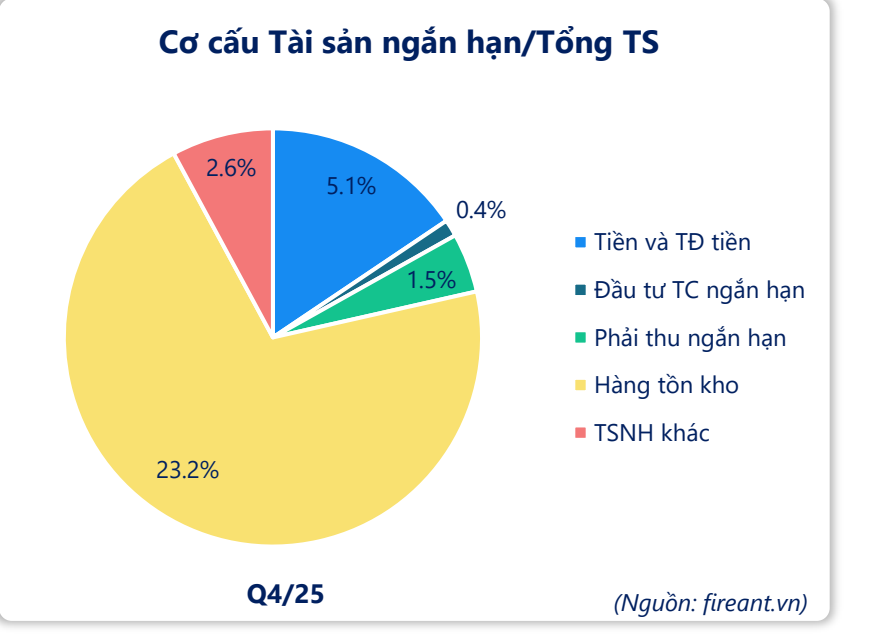
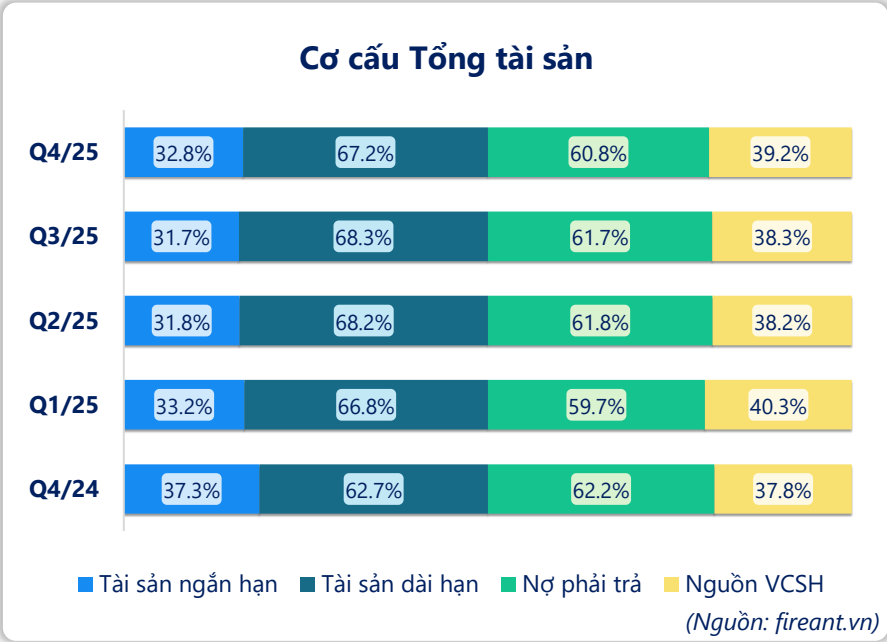


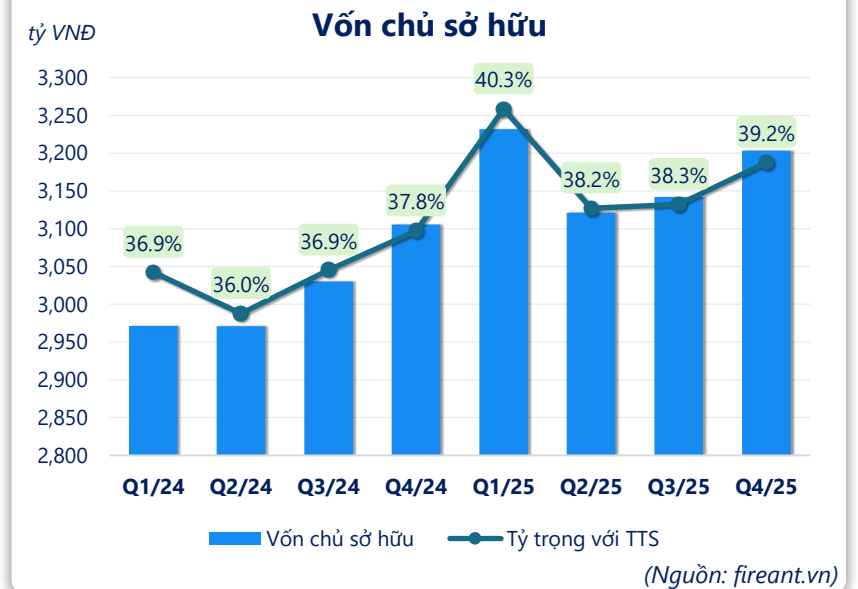
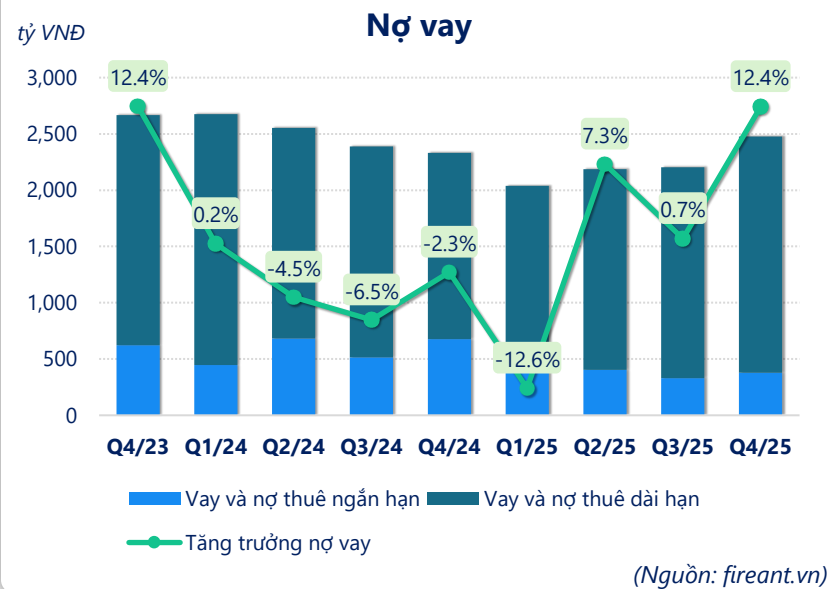
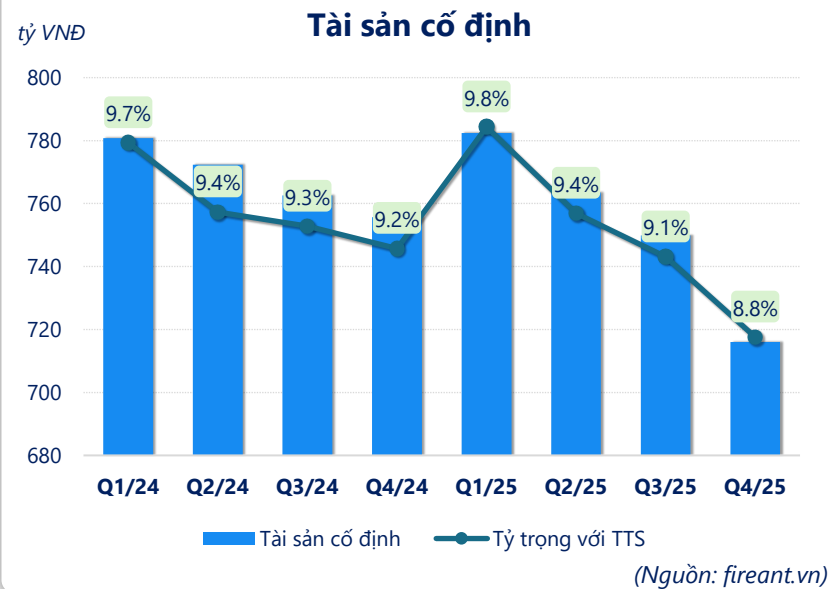
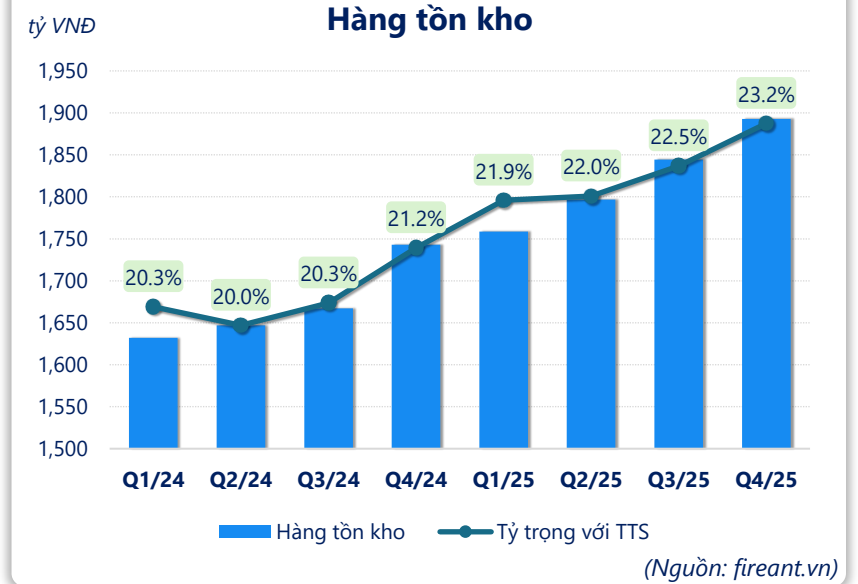
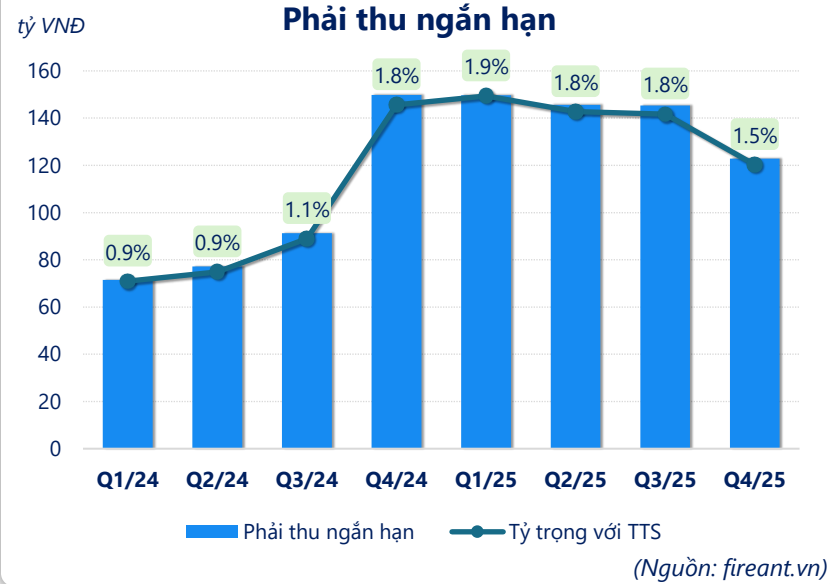
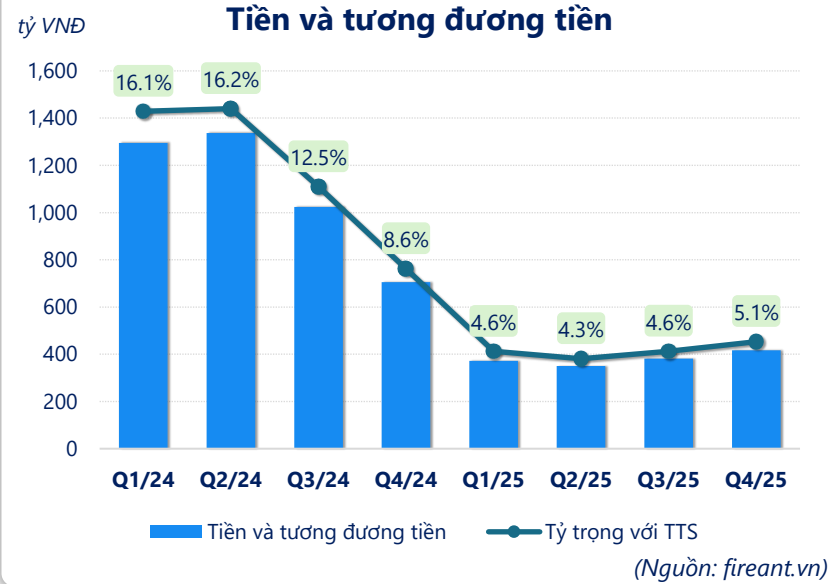
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,904
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,215
SL cổ phiếu LH		179,985,863
KLGD BQ 20 phiên (CP)		293,985
% sở hữu nước ngoài		5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,247
P/E		15.2
EPS		1,917

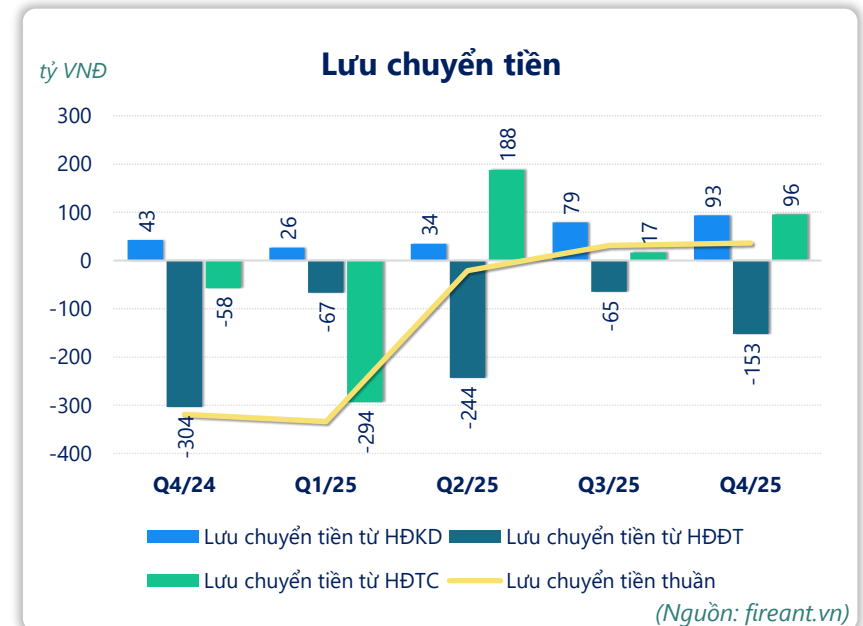
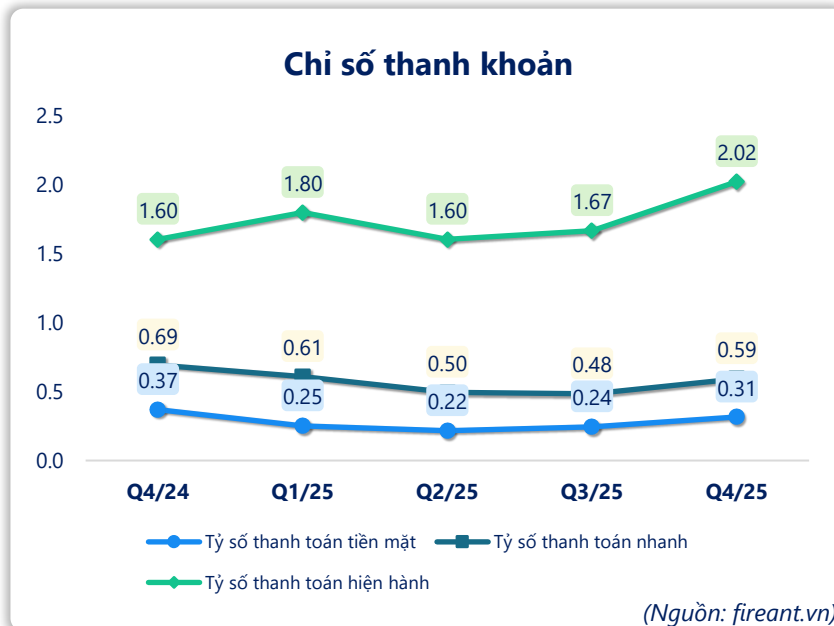
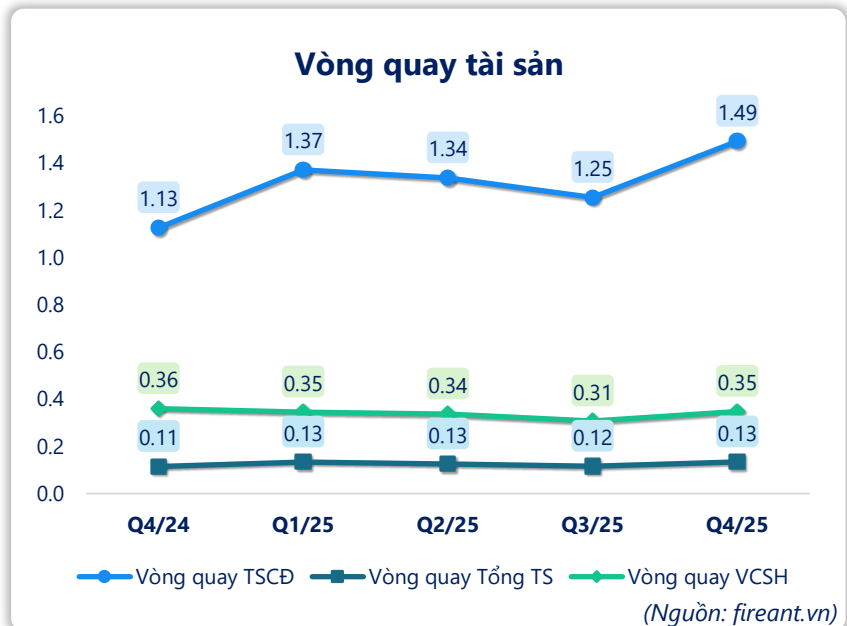
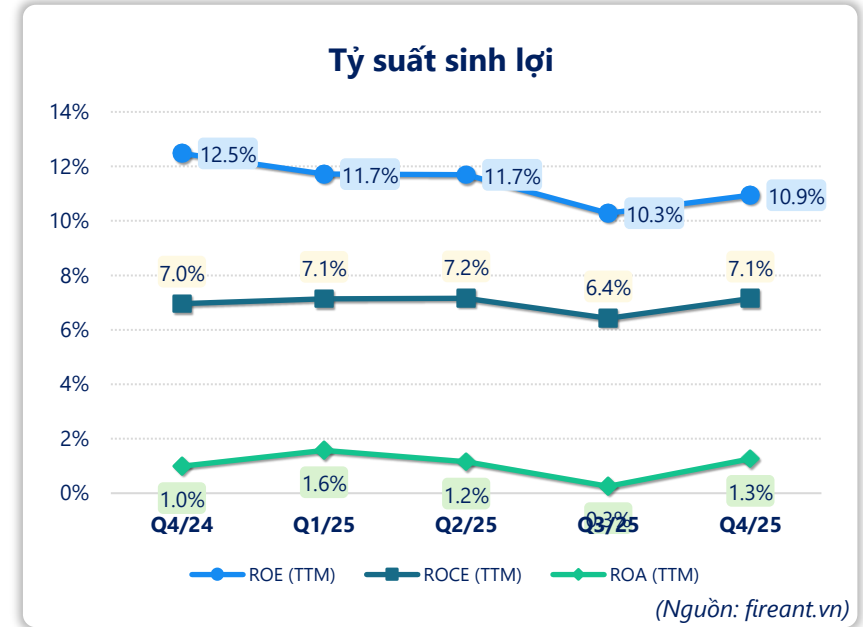
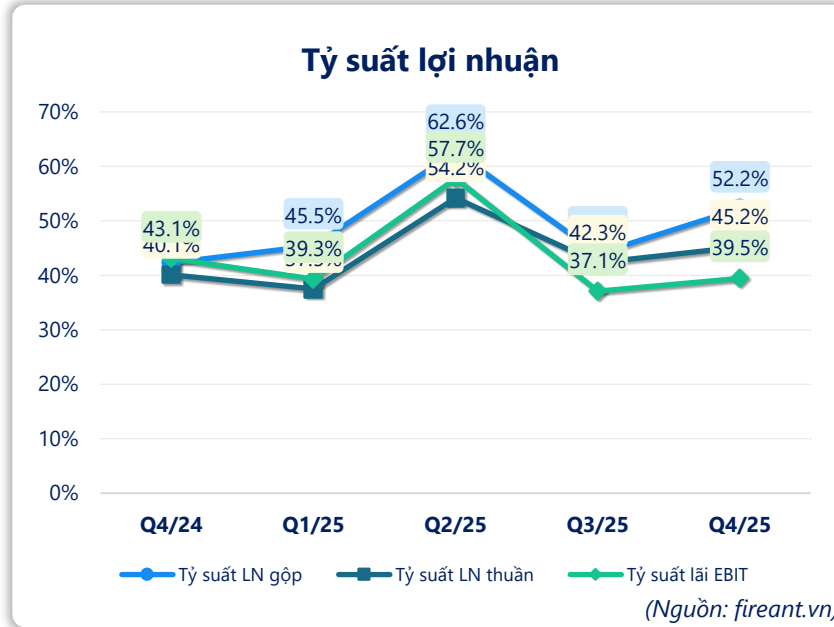
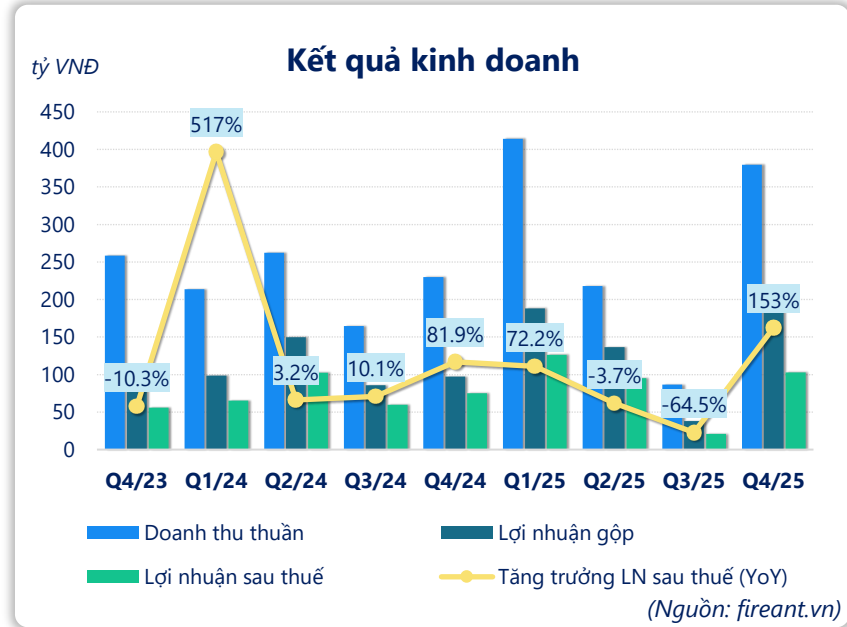
	YTD	1T	3T	6T
SZC	-29.4%	-7.2%	-12.2%	-20.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Sonadezi Châu Đức (HSX: SZC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,170	8,226	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	2,678	3,067	-12.7%
Tiền và tương đương tiền	417	705	-40.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.8	335	-89.6%
Phải thu ngắn hạn	123	150	-18.0%
Hàng tồn kho	1,893	1,743	8.6%
Tài sản ngắn hạn khác	211	134	57.5%
Tài sản dài hạn	5,492	5,159	6.5%
Phải thu dài hạn	0.39	0.32	21.4%
Tài sản cố định	716	756	-5.2%
Bất động sản đầu tư	1,080	1,120	-3.6%
Tài sản dở dang	3,554	3,148	12.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	56.6	52.8	7.1%
Tài sản dài hạn khác	85.0	82.1	3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,967	5,120	-3.0%
Nợ ngắn hạn	1,325	1,912	-30.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	377	676	-44.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	195	180	8.4%
Nợ dài hạn	3,643	3,209	13.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,099	1,657	26.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,203	3,106	3.1%
Vốn chủ sở hữu	3,203	3,106	3.1%
Vốn điều lệ	1,800	1,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	230	414	218	86.5	379
Giá vốn hàng bán	133	226	81.4	48.5	181
Lợi nhuận gộp	97.2	188	136	38.0	198
Doanh thu HĐTC	20.8	6.41	6.99	11.5	9.35
Chi phí TC	6.65	6.20	7.55	6.45	6.61
Chi phí lãi vay	6.65	6.20	7.55	6.45	6.60
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.18	12.1	1.62	0.08	0.13
Chi phí QLDN	17.1	21.0	16.2	6.40	29.3
LN thuần từ HĐKD	92.2	155	118	36.6	171
Lợi nhuận khác	0.14	1.32	0.21	-11.0	-28.3
LN trước thuế	92.3	157	118	25.6	143
Lợi nhuận sau thuế	75.2	126	94.9	20.8	103
LNST của CĐ cty mẹ	75.2	126	94.9	20.8	103

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.7	26.4	34.4	78.9	93.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-304	-66.8	-244	-64.7	-153
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.5	-294	188	16.8	95.6
Tiền đầu kỳ	1,024	705	371	350	381
Lưu chuyển tiền thuần	-319	-334	-21.3	31.0	36.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.02	0	0.01
Tiền cuối kỳ	705	371	350	381	417

(Nguồn: fireant.vn)